

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 196/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh và bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:410/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Long Đ, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

2/. **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Long Đ, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị L có đơn vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn D chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh T,

huyện U M, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/5/1997 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh D hay chửi bới và xúc phạm chị nhiều lần, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nhau cũng không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn D.

Về con chung: Chị L xác định anh chị có 02 người con chung tên Đỗ Huyền Tr, sinh năm 1998 và Đỗ Trọng Nh, sinh ngày 29/10/2013. Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết. Còn cháu Nh đang sống với vợ chồng chị. Nay cháu Nh có nguyện vọng được sống với anh D thì chị cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng: Chị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L xác định anh chị tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị L xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

Đối với anh Đỗ văn D: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh D theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị L và anh D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống anh chị bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống không còn hạnh phúc, nay chị L xác định không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L xác định anh chị có 02 người con chung tên Đỗ Huyền Tr, sinh năm 1998 và Đỗ Trọng Nh, sinh ngày 29/10/2013. Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết. Còn cháu Nh có nguyện vọng được sống với anh D, chị L cũng đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị L xác định không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Đỗ văn D. Anh D có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị L có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị L và anh D chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện U M, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L và anh D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nhưng trong thời gian chung sống chị L và anh D xảy ra mâu thuẫn. Tòa án tiến hành làm việc với anh D nhưng anh D không hợp tác, có thái độ xem thường pháp luật và không đến tham gia hòa giải theo quy định, chứng tỏ anh D không muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị L xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Như vậy mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh D là hoàn toàn phù hợp với quy định.

Về con chung: Chị L xác định anh chị có 02 người con chung tên Đỗ Huyền Tr, sinh năm 1998 và Đỗ Trọng Nh, sinh ngày 29/10/2013. Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết. Còn cháu Nh có nguyện vọng được sống với anh D, chị L đồng ý giao cho anh D nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị L, giao con chung cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị L không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51,53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L; Xử cho chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Đỗ văn D.

2/. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Trọng Nh, sinh ngày 29/10/2013 cho anh Đỗ Văn D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000407 ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Ngọc L và anh Đỗ văn D được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- UBND xã Long Đ ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích

